

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2024-00122945	
Mã số kết quả :	AR-24-VD-127202-01 / EUVNHC-00287438	

<b>CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT NƯỚC ION WATER ME</b> 28 Võ Văn Dũng, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
--

Tên mẫu :	Nước uống đóng chai, đóng bình nhãn hiệu SHIRAWA
Tình trạng mẫu :	Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu :	20/08/2024
Thời gian thử nghiệm :	21/08/2024 - 27/08/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	28/08/2024
Mã số PO của khách hàng :	LX2R2408200352-BL



STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 6-1:2010/BYT
1	VD351 VD (a) <i>Fecal streptococci</i>	cfu/ 250 ml	TCVN 6189-2: 2009 (ISO 7899-2:2000)	Không phát hiện (LOD=1)	0
2	VD356 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ 250 ml	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	Không phát hiện (LOD=1)	0
3	VD366 VD (a) <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/ 250 ml	ISO 16266:2006	Không phát hiện (LOD=1)	0
4	VD376 VD (a) Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	cfu/ 50 ml	TCVN 6191-2:1996 (ISO 6461-2:1986)	Không phát hiện (LOD=1)	0
5	VD345 VD (a) Coliforms	cfu/ 250 ml	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	Không phát hiện (LOD=1)	0
6	VD840 VD (a) Clo dư	mg/ l	SMEWW 4500 CI B:2017	Không phát hiện (LOD=0.08)	5
7	VD847 VD (a) Bari (Ba)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.003)	0.7
8	VD902 VD (a) Chl (Pb)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.01
9	VD903 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.003
10	VD911 VD (a) Arsen (As)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.01
11	VD904 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.006
12	VD906 VD (a) Đồng (Cu)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.003)	2
13	VD876 VD (a) Mangan (Mn)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.4
14	VD844 VD (a) Molybden (Mo)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.07
15	VD843 VD (a) Crom (Cr)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.05
16	VD845 VD (a) Selen (Se)	mg/ l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.01

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 6-1: 2010/BYT
17	VD846 VD (a) Antimon (Sb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.02
18	VD851 VD (a) Bo (B)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.006)	0.5
19	VD849 VD (a) Niken (Ni)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.07
20	VD05F VD (a) Bromat (BrO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	µg/l	US EPA Method 300.1	Không phát hiện (LOD=5)	10
21	VD05G VD (a) Nitrate (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	mg/l	US EPA Method 300.1	Không phát hiện (LOD=0.15)	50
22	VD05I VD (a) Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> )	mg/l	US EPA Method 300.1	Không phát hiện (LOD=0.015)	3
23	VD05J VD (a) Clorit (ClO <sub>2</sub> <sup>-</sup> )	mg/l	US EPA Method 300.1	Không phát hiện (LOD=0.03)	0.7
24	VD05M VD (a) Clorat (ClO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	mg/l	US EPA Method 300.1	Không phát hiện (LOD=0.05)	0.7
25	VD05N VD (a) Florua (F <sup>-</sup> )	mg/l	US EPA Method 300.1	Không phát hiện (LOD=0.03)	1.5
26	VD155 VD (a) Cyanua (CN <sup>-</sup> )	mg/l	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984)	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.07
27	VDABQ EXT Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	SMEWW 7110B:2023	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.5
28	VDBBQ EXT Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	SMEWW 7110B:2023	Không phát hiện (LOD=0.03)	1

### KẾT LUẬN

Những chỉ tiêu trên bản kết quả thử nghiệm phù hợp với QCVN 6-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ  
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 30/08/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 30/08/2024.

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-va-cung-cap-dich-vu/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-va-cung-cap-dich-vu/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG xây dựng.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại các phòng thí nghiệm ngoài hệ thống Eurofins.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

